

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2018.

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kiều Oanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Bích Ly**.

2. Ông **Trần Văn Lâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thanh H** (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn C** (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Phước A, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Huỳnh Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh H và ông Trần Văn C có quen biết trước, sau đó được gia đình chấp thuận và tổ chức lễ cưới vào năm 1991, nhưng

không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường kiểm chuyện chửi thô tục và không quan tâm đến công việc gia đình, luôn thách thức làm đơn xin ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông C có 04 con chung: Trần Thị C, sinh năm 1992; Trần Thị C, sinh năm 1994; Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ, sinh ngày 01/2/2002. Trần Thị Y và Trần Chí Đ hiện đang sống chung với bà H.

- Về tài sản chung: Bà H và ông C tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Nay bà Huỳnh Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: Sau khi ly hôn con chung Trần Thị C, sinh năm 1992 và Trần Thị C, sinh năm 1994 đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ, sinh ngày 01/2/2002 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 02 năm 2018 bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân; về con chung; tài sản chung và nợ chung ông C thống nhất với lời trình bày của bà H. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H đi nuôi con không về nhà, ông C có kêu bà H về nhưng bà H không về từ đó bà H bỏ nhà đi cho đến nay.

Đối với các yêu cầu của bà H về quan hệ hôn nhân; về con chung; về tài sản chung và nợ chung thì ông C có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C đồng ý ly hôn với bà H; Về con chung: Ông C đồng ý giao cho bà H nuôi Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ, sinh ngày 01/2/2002 đến tuổi trưởng thành, ông C không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản

chung: Bà H và ông C tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Trần Văn C chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tuyên bố không công nhận bà H và ông C là vợ chồng; Giao con chung Trần Thị Y và Trần Chí Đ cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung bà H và ông C tự thỏa thuận; Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn C đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn C.

[2] Về Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà H và ông C tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1991, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì ông, bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà H và ông C không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay. Xét thấy, bà H và ông C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm

khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của bà H và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thanh H và ông Trần Văn C là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Trong thời gian chung sống bà H và ông C có 04 con chung: Trần Thị C, sinh năm 1992; Trần Thị C, sinh năm 1994; Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ, sinh ngày 01/2/2002. Trần Thị C và Trần Thị C đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Trần Thị Y và Trần Chí Đ hiện đang sống chung với bà H, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con đến 18 tuổi. Xét thấy, Hiện nay cháu Y và cháu Đ đang chung sống với bà H cuộc sống đã ổn định về mặt vật chất cũng như tinh thần. Tòa án có ghi ý kiến của Trần Thị Y và Trần Chí Đ, nếu cha mẹ phải ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với bà H. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Y và cháu Đ. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi Tòa án không công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình. Ông C là người không trực tiếp nuôi con, nên ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Trần Thị Y và Trần Chí Đ, mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông C thống nhất tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H là người có đơn xin ly hôn, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 15 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thanh H và ông Trần Văn C là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ, sinh ngày 01/2/2002 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Thị Y, sinh ngày 12/9/2000 và Trần Chí Đ, sinh ngày 01/2/2002, mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Bà H và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Huỳnh Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007360 ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Văn C thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh